**CHUẨN MỰC VIỆT NAM VỀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ ĐẢM BẢO**

**Chuẩn mực số 3400: Kiểm tra thông tin tài chính tương lai**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2015/TT-BTC*

*ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính*

**I/ QUY ĐỊNH CHUNG**

**Phạm vi áp dụng**

1. Chuẩn mực này quy định và hướng dẫn trách nhiệm của kiểm toán viên *và doanh nghiệp kiểm toán (sau đây gọi là “kiểm toán viên”)* trong việc thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm tra và báo cáo về thông tin tài chính tương lai, bao gồm các thủ tục kiểm tra các giả định mang tính giả thuyết và các giả định về ước tính tốt nhất. Chuẩn mực này không áp dụng cho việc kiểm tra thông tin tài chính tương lai được thể hiện bằng các thuật ngữ mang tính khái quát hay mang tính diễn giải, như phần phân tích hoạt động của Ban Giám đốc trong báo cáo thường niên của đơn vị, mặc dù nhiều thủ tục quy định trong Chuẩn mực này có thể phù hợp cho việc kiểm tra các thông tin tài chính tương lai đó.

**Mục tiêu**

1. **Khi thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm tra thông tin tài chính tương lai, kiểm toán viên *và doanh nghiệp kiểm toán* phải thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về việc:**

**(a) Liệu các giả định về ước tính tốt nhất được Ban Giám đốc sử dụng làm cơ sở lập thông tin tài chính tương lai không phải là không hợp lý và nếu sử dụng các giả định mang tính giả thuyết thì các giả định đó có nhất quán với mục đích cung cấp thông tin hay không;**

**(b) Liệu thông tin tài chính tương lai có được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định hay không;**

**(c) Liệu thông tin tài chính tương lai có được trình bày một cách thích hợp và tất cả các giả định trọng yếu có được thuyết minh đầy đủ hay không, bao gồm việc trình bày rõ ràng đó là những giả định về ước tính tốt nhất hay giả định mang tính giả thuyết;**

**(d) Liệu thông tin tài chính tương lai có được lập trên cơ sở nhất quán với thông tin tài chính quá khứ và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp hay không.**

1. *Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực này trong việc thỏa thuận và thực hiện hợp đồng dịch vụ về kiểm tra thông tin tài chính tương lai.*

*Đơn vị được kiểm tra (khách hàng) phải có những hiểu biết cần thiết về các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực này để phối hợp công việc và xử lý các mối quan hệ liên quan đến quá trình thỏa thuận và thực hiện hợp đồng dịch vụ về kiểm tra thông tin tài chính tương lai.*

1. *Các bên sử dụng kết quả kiểm tra phải có những hiểu biết cần thiết về các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực này để sử dụng đúng đắn kết quả kiểm tra.*

**Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Chuẩn mực này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

(a) *Thông tin tài chính tương lai:* Là thông tin tài chính dựa trên giả định về các sự kiện có thể xảy ra trong tương lai và các hành động mà đơn vị có thể thực hiện. Các thông tin này mang tính chủ quan cao và việc lập các thông tin đó đòi hỏi áp dụng nhiều xét đoán chuyên môn. Thông tin tài chính tương lai có thể được thể hiện dưới dạng dự báo, dự tính hoặc kết hợp cả hai loại, ví dụ, dự báo cho một năm kèm theo dự tính cho năm năm.

(b) *Dự báo:* Là thông tin tài chính tương lai được lập dựa trên các giả định về các sự kiện trong tương lai mà Ban Giám đốc đơn vị dự kiến sẽ xảy ra và các hành động mà Ban Giám đốc đơn vị được kiểm tra (sau đây gọi chung là Ban Giám đốc đơn vị) dự kiến sẽ thực hiện tại ngày lập thông tin tài chính tương lai (giả định về ước tính tốt nhất).

(c) *Dự tính:* Là thông tin tài chính tương lai được lập dựa trên:

1. Các giả định mang tính giả thuyết về các sự kiện trong tương lai chưa chắc chắn sẽ xảy ra và các hành động mà Ban Giám đốc đơn vị cũng chưa chắc chắn sẽ thực hiện, ví dụ khi một số đơn vị đang trong giai đoạn bắt đầu hoạt động hoặc đang xem xét thực hiện một sự thay đổi lớn trong hoạt động; hoặc
2. Sự kết hợp giữa các giả định mang tính giả thuyết và các giả định về ước tính tốt nhất.

Thông tin này phản ánh các kết quả có thể có tại ngày lập thông tin nếu các sự kiện và hành động đó đã diễn ra.

*(d) Kiểm toán viên: Là những người thực hiện hợp đồng dịch vụ về kiểm tra thông tin tài chính tương lai, bao gồm thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ, kiểm toán viên hành nghề và các thành viên khác trong nhóm thực hiện hợp đồng kiểm tra thông tin tài chính tương lai và trong hầu hết các trường hợp, bao gồm cả doanh nghiệp kiểm toán. Khi Chuẩn mực này nhấn mạnh về yêu cầu hoặc trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ hoặc trách nhiệm của doanh nghiêp kiểm toán thì thuật ngữ “thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ” hoặc thuật ngữ “doanh nghiệp kiểm toán” phải được sử dụng thay cho thuật ngữ “kiểm toán viên”. Thuật ngữ “thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ” và “doanh nghiệp kiểm toán” được sử dụng tương đương trong lĩnh vực công khi thích hợp.*

**II/ NỘI DUNG CHUẨN MỰC**

**Mục đích lập thông tin tài chính tương lai**

1. Thông tin tài chính tương lai có thể bao gồm báo cáo tài chính, một hoặc một số yếu tố của báo cáo tài chính và có thể được lập:

(a) Như công cụ quản lý nội bộ, ví dụ, để hỗ trợ việc đánh giá một khoản đầu tư vốn; hoặc

(b) Cho mục đích phát hành cho bên thứ ba, ví dụ:

1. Bản cáo bạch cung cấp thông tin kỳ vọng trong tương lai *của tổ chức niêm yết* cho các nhà đầu tư tiềm năng;
2. Báo cáo thường niên cung cấp thông tin cho các cổ đông, các cơ quan quản lý và các bên quan tâm khác;
3. Tài liệu cung cấp thông tin cho các bên cho vay, như dự báo dòng tiền.
4. Ban Giám đốc đơn vị chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày thông tin tài chính tương lai, kể cả việc xác định và thuyết minh các giả định làm cơ sở lập thông tin tài chính tương lai đó. Kiểm toán viên có thể được yêu cầu kiểm tra và báo cáo về thông tin tài chính tương lai nhằm nâng cao độ tin cậy của thông tin cho dù thông tin đó được cung cấp cho bên thứ ba hay sử dụng cho mục đích nội bộ.

**Mức độ đảm bảo của kiểm toán viên về thông tin tài chính tương lai**

1. Thông tin tài chính tương lai liên quan đến các sự kiện và hành động chưa xảy ra và có thể không xảy ra. Mặc dù có thể có các bằng chứng chứng minh cho các giả định được sử dụng làm cơ sở lập thông tin tài chính tương lai, nhưng các bằng chứng này thường hướng đến tương lai và do vậy, về bản chất, các bằng chứng này mang tính suy đoán, khác với các bằng chứng thường có trong cuộc kiểm toán thông tin tài chính quá khứ. Do đó, kiểm toán viên không đưa ra kết luận về việc liệu có đạt được những kết quả thể hiện trong thông tin tài chính tương lai hay không.
2. Ngoài ra, dựa vào loại bằng chứng có được khi đánh giá các giả định làm cơ sở lập thông tin tài chính tương lai, kiểm toán viên khó có thể đạt được mức độ hài lòng đủ để đưa ra kết luận đảm bảo dạng khẳng định rằng các giả định không có sai sót trọng yếu. Do đó, trong Chuẩn mực này, khi báo cáo về tính hợp lý của các giả định của Ban Giám đốc đơn vị, kiểm toán viên đưa ra kết luận chỉ ở mức độ đảm bảo có giới hạn. Tuy nhiên, nếu kiểm toán viên xét đoán rằng đã đạt được mức độ hài lòng hợp lý thì kiểm toán viên có thể đưa ra kết luận đảm bảo dạng khẳng định về các giả định của Ban Giám đốc đơn vị.

**Chấp nhận hợp đồng dịch vụ**

1. Trước khi chấp nhận hợp đồng dịch vụ về kiểm tra thông tin tài chính tương lai, kiểm toán viên cần xem xét các vấn đề sau:
2. Mục đích sử dụng thông tin;
3. Thông tin được phát hành rộng rãi hay bị giới hạn;
4. Bản chất của các giả định là giả định về ước tính tốt nhất hay giả định mang tính giả thuyết;
5. Thông tin bao gồm những yếu tố nào;
6. Thông tin cho giai đoạn nào.
7. **Kiểm toán viên không được chấp nhận hợp đồng hoặc phải rút khỏi hợp đồng khi nhận thấy các giả định không thực tế hoặc khi kiểm toán viên cho rằng các thông tin tài chính tương lai không phù hợp cho mục đích sử dụng.**
8. **Kiểm toán viên phải thống nhất với đơn vị được kiểm tra (khách hàng) về các điều khoản trên hợp đồng dịch vụ về kiểm tra thông tin tài chính tương lai.** Để đảm bảo lợi ích của cả hai bên, kiểm toán viên nên gửi hợp đồng tới đơn vị được kiểm tra (khách hàng) để tránh những hiểu nhầm có liên quan đến hợp đồng. Hợp đồng sẽ bao gồm các vấn đề quy định tại đoạn 10 Chuẩn mực này và cần nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị đối với các giả định và đối với việc cung cấp cho kiểm toán viên tất cả các thông tin liên quan và nguồn dữ liệu đã được sử dụng để xây dựng các giả định.

**Hiểu biết về hoạt động kinh doanh**

1. **Kiểm toán viên phải có hiểu biết đầy đủ về hoạt động kinh doanh của đơn vị được kiểm tra (khách hàng) để có thể đánh giá liệu đã xác định được tất cả các giả định quan trọng cần thiết để lập thông tin tài chính tương lai hay chưa**. Kiểm toán viên cũng cần có hiểu biết đối với quy trình lập thông tin tài chính tương lai của đơn vị, ví dụ, thông qua việc xem xét các vấn đề sau:
2. Các kiểm soát nội bộ đối với hệ thống được sử dụng để lập thông tin tài chính tương lai cũng như trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của các thành viên tham gia lập thông tin tài chính tương lai;
3. Nội dung của các tài liệu do đơn vị chuẩn bị để chứng minh cho các giả định của Ban Giám đốc đơn vị;
4. Mức độ sử dụng các kỹ thuật thống kê, toán học và kỹ thuật được máy tính trợ giúp;
5. Các phương pháp được sử dụng để xây dựng và áp dụng các giả định;
6. Mức độ chính xác của thông tin tài chính tương lai được lập trong các giai đoạn trước và nguyên nhân của các chênh lệch đáng kể.
7. **Kiểm toán viên phải xem xét mức độ tin tưởng vào thông tin tài chính quá khứ của đơn vị.** Kiểm toán viên cần có hiểu biết về thông tin tài chính quá khứ của đơn vị để đánh giá liệu thông tin tài chính tương lai có được lập trên cơ sở nhất quán với cơ sở dùng để lập thông tin tài chính quá khứ hay không, và làm cơ sở để xem xét các giả định của Ban Giám đốc. Kiểm toán viên cần phải xác định liệu thông tin *tài chính* quá khứ có liên quan đã được kiểm toán hoặc soát xét hay chưa và các chính sách kế toán được chấp nhận có được sử dụng trong việc lập các thông tin *tài chính* đó hay không.
8. Nếu báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo soát xét thông tin tài chính quá khứ trong kỳ trước đưa ra *ý kiến kiểm toán hoặc* kết luận không phải là *ý kiến kiểm toán hoặc* kết luận chấp nhận toàn phần hoặc nếu đơn vị đang trong giai đoạn bắt đầu hoạt động thì kiểm toán viên cần xem xét các sự kiện có liên quan và ảnh hưởng đến việc kiểm tra thông tin tài chính tương lai.

**Giai đoạn báo cáo**

1. **Kiểm toán viên phải xem xét thông tin tài chính tương lai được phản ánh cho giai đoạn nào.** Giai đoạn được phản ánh càng dài thì các giả định càng mang tính suy đoán và khả năng Ban Giám đốc đơn vị đưa ra các giả định về ước tính tốt nhất càng giảm. Giai đoạn được phản ánh không nên vượt quá khoảng thời gian mà Ban Giám đốc đơn vị có cơ sở hợp lý cho việc đưa ra các giả định. Kiểm toán viên cần xem xét giai đoạn được phản ánh trong thông tin tài chính tương lai dựa vào một số yếu tố sau:
2. Chu kỳ hoạt động, ví dụ, đối với một dự án xây dựng lớn, giai đoạn được phản ánh có thể là thời gian ước tính để hoàn thành dự án;
3. Độ tin cậy của các giả định, ví dụ, nếu đơn vị đang giới thiệu một sản phẩm mới thì giai đoạn tương lai được phản ánh có thể ngắn và được chia thành nhiều khoảng thời gian nhỏ như theo tuần hoặc theo tháng. Nếu hoạt động duy nhất của đơn vị là sở hữu một tài sản cho thuê dài hạn thì giai đoạn tương lai được phản ánh có thể tương đối dài;
4. Nhu cầu của các bên sử dụng, ví dụ, thông tin tài chính tương lai có thể được lập liên quan đến việc xin phê duyệt một khoản vay trong một khoảng thời gian cần thiết để tạo ra nguồn vốn đủ để trả khoản vay. Ngoài ra, thông tin tài chính tương lai có thể được lập cho các nhà đầu tư liên quan đến việc phát hành trái phiếu để phản ánh mục đích sử dụng nguồn vốn huy động được trong giai đoạn tiếp theo.

**Các thủ tục kiểm tra**

1. **Khi xác định nội dung, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm tra, kiểm toán viên phải xem xét các vấn đề sau:**

**(a) Khả năng xảy ra sai sót trọng yếu;**

**(b) Hiểu biết về đơn vị được kiểm tra (khách hàng) thông qua các hợp đồng dịch vụ trước đây;**

**(c) Năng lực của Ban Giám đốc đơn vị liên quan đến việc lập thông tin tài chính tương lai;**

**(d) Mức độ ảnh hưởng của các xét đoán của Ban Giám đốc đơn vị đối với thông tin tài chính tương lai;**

**(e) Tính đầy đủ và độ tin cậy của các dữ liệu cơ sở.**

1. Kiểm toán viên cần phải đánh giá nguồn gốc và độ tin cậy của các bằng chứng chứng minh cho các giả định về ước tính tốt nhất của Ban Giám đốc đơn vị. Các bằng chứng đầy đủ và thích hợp chứng minh cho các giả định có thể được thu thập từ các nguồn bên trong và bên ngoài đơn vị, kể cả việc xem xét các giả định đó sau khi cân nhắc thông tin tài chínhquá khứ và đánh giá liệu các giả định có dựa trên các kế hoạch mà đơn vị có khả năng thực hiện được hay không.
2. Khi các giả định mang tính giả thuyết được sử dụng, kiểm toán viên phải xem xét liệu các ảnh hưởng đáng kể của các giả định này đã được cân nhắc hay chưa. Ví dụ, nếu doanh thu được ước tính tăng vượt quá công suất hiện tại của máy móc thiết bị, thông tin tài chính tương lai phải bao gồm cả việc đầu tư cần thiết để tăng công suất của máy móc hoặc chi phí cho các biện pháp thay thế nhằm đáp ứng được mức doanh thu dự kiến, như ký hợp đồng sản xuất với nhà thầu phụ.
3. Mặc dù không cần thiết phải thu thập bằng chứng chứng minh cho các giả định mang tính giả thuyết, kiểm toán viên vẫn cần đảm bảo rằng các giả định này đã phù hợp với mục đích sử dụng của thông tin tài chính tương lai và không có lý do gì để cho rằng các giả định này là không thực tế.
4. Kiểm toán viên cần đảm bảo thông tin tài chính tương lai được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định của Ban Giám đốc đơn vị, ví dụ, thực hiện các phương pháp kiểm tra tính chính xác như tính toán và rà soát lại sự nhất quán trong các hành động mà Ban Giám đốc đơn vị dự kiến sẽ thực hiện và trong việc xác định các số liệu dựa trên các biến số chung (*như lãi suất*).
5. Kiểm toán viên cần tập trung vào các vấn đề đặc biệt nhạy cảm với sự thay đổi và có ảnh hưởng đáng kể đến thông tin tài chính tương lai. Điều này sẽ ảnh hưởng đến phạm vi để kiểm toán viên thu thập bằng chứng thích hợp và cũng sẽ ảnh hưởng đến đánh giá của kiểm toán viên về sự thích hợp và đầy đủ của việc thuyết minh thông tin tài chính tương lai.
6. Khi ký hợp đồng để kiểm tra một hoặc một số yếu tố của thông tin tài chính tương lai, ví dụ, một báo cáo tài chính riêng lẻ, điều quan trọng là kiểm toán viên phải xem xét mối liên hệ tương quan với các thành phần khác trong báo cáo tài chính.
7. Khi một phần của giai đoạn hiện hành được phản ánh trong thông tin tài chính tương lai, kiểm toán viên phải xem xét phạm vi các thủ tục cần được áp dụng đối với thông tin *tài chính* quá khứ. Các thủ tục sẽ khác nhau tùy thuộc vào từng trường hợp,ví dụ, độ dài của phần giai đoạn hiện hành được phản ánh trong thông tin tài chính tương lai.
8. **Kiểm toán viên phải thu thập Thư giải trình của Ban Giám đốc đơn vị về mục đích sử dụng thông tin tài chính tương lai, tính đầy đủ của các giả định quan trọng và sự xác nhận của Ban Giám đốc đơn vị về trách nhiệm của họ đối với thông tin tài chính tương lai.**

**Trình bày và thuyết minh**

1. Khi đánh giá việc trình bày và thuyết minh thông tin tài chính tương lai, ngoài việc phải xem xét các yêu cầu pháp luật và các quy định hoặc các chuẩn mực nghề nghiệp, kiểm toán viên còn phải xem xét liệu:

(a) Thông tin tài chính tương laicó được trình bày đầy đủ và không gây hiểu nhầm hay không;

(b) Chính sách kế toán có được trình bày rõ ràng trên phần thuyết minh thông tin tài chính tương lai hay không;

(c) Các giả định có được trình bày đầy đủ, thích hợp trên phần thuyết minh thông tin tài chính tương lai hay không. Các thuyết minh cần trình bày rõ ràng liệu các giả định của Ban Giám đốc đơn vị là giả định về ước tính tốt nhất hay là giả định mang tính giả thuyết. Khi các giả định được lập đối với những vấn đề trọng yếu và có mức độ không chắc chắn cao thì cần phải thuyết minh đầy đủ về sự không chắc chắn này và độ nhạy cảm của kết quả do sự không chắc chắn đó gây ra;

(d) Ngày lập thông tin tài chính tương lai có được trình bày hay không. Ban Giám đốc đơn vị cần xác nhận rằng các giả định là phù hợp tại ngày lập thông tin, cho dù các *thông tin làm cơ sở để lập các giả định này* có thể được tổng hợp trong cả một giai đoạn;

(e) Trường hợp thông tin tài chính tương lai được trình bày dưới dạng một *khoảng số liệu (ví dụ doanh thu có thể đạt được từ X đồng đến Y đồng)* thì căn cứ để xây dựng các số liệu trong khoảng đó có được trình bày rõ ràng và lựa chọn trên cơ sở không thiên lệch và không gây hiểu nhầm hay không;

(f) Bất kỳ sự thay đổi nào trong chính sách kế toán so với thông tin tài chính quá khứ gần nhất có được thuyết minh cùng với lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đến thông tin tài chính tương lai hay không.

**Báo cáo kiểm tra về kiểm tra thông tin tài chính tương lai**

1. **Báo cáo kiểm tra về kiểm tra thông tin tài chính tương lai *(sau đây gọi tắt là “báo cáo kiểm tra”)* do kiểm toán viên lập phải bằng văn bản và bao gồm các yếu tố sau *(xem Phụ lục 01, 02 Chuẩn mực này):***

**(a) *Số hiệu và* tiêu đề báo cáo kiểm tra:** *Báo cáo kiểm tra phải ghi rõ số hiệu phát hành báo cáo kiểm tra của doanh nghiệp kiểm toán hoặc chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán theo từng năm (số đăng ký chính thức trong hệ thống văn bản của doanh nghiệp hoặc chi nhánh);*

**(b) Người nhận báo cáo kiểm tra:** *Báo cáo kiểm tra phải chỉ rõ người nhận báo cáo kiểm tra tùy theo từng hợp đồng dịch vụ. Người nhận báo cáo kiểm tra là những người mà báo cáo được lập cho họ sử dụng, thường là các cổ đông, Ban quản trị hoặc Ban Giám đốc của đơn vị hoặc có thể là các nhà đầu tư tiềm năng, các cơ quan quản lý và các bên quan tâm khác… tùy thuộc vào mục đích của việc lập thông tin tài chính tương lai;*

***(c) Mở đầu của báo cáo kiểm tra:*** *Mở đầu của báo cáo kiểm tra phải nêu rõ:*

(i) Tên thông tin tài chính tương lai được kiểm tra;

*(ii) Tên đơn vị lập thông tin tài chính tương lai;*

*(iii) Giai đoạn lập thông tin tài chính tương lai;*

*(iv) Ngày lập và số trang của thông tin tài chính tương lai được kiểm tra;*

*(v) Tên gọi các thành phần của thông tin tài chính tương lai;*

**(d) Trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị:** *Báo cáo kiểm tra phải bao gồm một mục có tiêu đề là “Trách nhiệm của Ban Giám đốc” (hay một thuật ngữ thích hợp khác)”. Báo cáo kiểm tra không nhất thiết phải đề cập một cách cụ thể là “Ban Giám đốc” mà sẽ sử dụng thuật ngữ thích hợp, tùy thuộc vào cơ cấu tổ chức của đơn vị được kiểm tra, ví dụ “Ban quản lý dự án”,“Ban Giám hiệu”…;* Đoạn này trong báo cáo kiểm tra mô tả trách nhiệm của những người chịu trách nhiệm đối với *việc lập và trình bày* thông tin tài chính tương lai *[trên cơ sở khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan]*, kể cả các giả định làm cơ sở lập thông tin tài chính tương lai đó. *Trong một số trường hợp cần thiết, kiểm toán viên có thể bổ sung thêm vào đoạn này các trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị liên quan đến việc lập và trình bày thông tin tài chính tương lai theo quy định của pháp luật hoặc do bản chất của dự án, của đơn vị được kiểm tra hoặc theo các điều khoản đã thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng giữa hai bên;*

**(e) Trình bày mục đích và/hoặc giới hạn đối tượng sử dụng thông tin tài chính tương lai (nếu có):** Đối với trường hợp báo cáo kiểm tra về thông tin tài chính tương lai dạng dự tính:thông tin tài chính tương lai được lập cho mục đích cụ thể [*nêu rõ mục đích*] và sử dụng các giả định bao gồm cả các giả định mang tính giả thuyết về các sự kiện trong tương lai chưa chắc chắn sẽ xảy ra và các hành động mà Ban Giám đốc đơn vị cũng chưa chắc chắn sẽ thực hiện thì báo cáo cần phải cảnh báo cho người đọc rằng thông tin tài chính tương lai không được sử dụng cho mục đích khác ngoài các mục đích đã được nêu trên báo cáo;

***(f) Trách nhiệm của kiểm toán viên:*** *Báo cáo kiểm tra phải bao gồm một mục có tiêu đề là “Trách nhiệm của Kiểm toán viên”, trong đó nêu rõ trách nhiệm của kiểm toán viên là kiểm tra và đưa kết luận về thông tin tài chính tương lai dựa trên kết quả của cuộc kiểm tra;* Báo cáo kiểm tra phải nêu rõ rằng công việc kiểm tra đã được tiến hành theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo,các chuẩn mực nghề nghiệp,pháp luật và các quy định có liên quan áp dụng cho việc kiểm tra thông tin tài chính tương lai. *Báo cáo kiểm tra cũng phải giải thích rằng các chuẩn mực và quy định đó yêu cầu kiểm toán viên phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm tra để đạt được mức độ đảm bảo có giới hạn về việc thông tin tài chính tương lai có được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với [khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan] hay không;*

***(g) Kết luận của kiểm toán viên:*** *Báo cáo kiểm tra phải bao gồm một mục có tiêu đề là “Kết luận của Kiểm toán viên” và phải nêu rõ về các nội dung sau đây:*

1. **Kết luận đảm bảo dạng phủ định về việc liệu các giả định có cung cấp được một cơ sở không phải là không hợp lý cho thông tin tài chính tương lai hay không.** Đoạn này phải nêu rõ trên cơ sở kiểm tra các bằng chứng chứng minh cho các giả định, liệu có bất kỳ sự kiện nào để kiểm toán viên cho rằng các giả định không cung cấp được một cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai hay không;
2. **Kết luận về việc liệu thông tin tài chính tương lai có được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và có được trình bày phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan hay không;**
3. **Đoạn nhấn mạnh liên quan đến khả năng đạt được các kết quả mà thông tin tài chính tương lai phản ánh.** Đoạn này phải nêu rõ kết quả thực tế có thể khác với thông tin tài chính tương lai do các sự kiện được dự kiến có thể không diễn ra như mong đợi và sự khác biệt có thể là trọng yếu. Tương tự, trường hợp thông tin tài chính tương lai được trình bày dưới dạng một khoảng số liệu, báo cáo có thể nêu rõ rằng không có sự đảm bảo nào về việc kết quả thực tế sẽ nằm trong khoảng đó;

**(h) Ngày lập báo cáo kiểm tra**: Phải là ngày mà các thủ tục kiểm tra đã hoàn thành và *phải là ngày cùng hoặc sau ngày lập thông tin tài chính tương lai;*

**(i) Tên và địa chỉ doanh nghiệp kiểm toán;**

**(j) Chữ ký*, họ và tên* của kiểm toán viên *và đóng dấu:*** *Thực hiện theo quy định và hướng dẫn về chữ ký, họ và tên của kiểm toán viên và đóng dấu trong báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn tại đoạn 69(m) và đoạn A183 của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ.*

1. Ví dụ trích đoạn báo cáo kiểm tra về kiểm tra thông tin tài chính tương lai ***dự báo*** với kết luận dạng chấp nhận toàn phần:

“… Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra thông tin tài chính tương lai ***dự báo*** kèm theo của đơn vị về *dự án mở rộng phân xưởng sản xuất A của Công ty ABC cho giai đoạn từ 01/06/20x5 đến 31/12/20x5 được lập ngày 31/12/20x4 từ trang… đến trang… gồm các báo cáo A, B, C…*

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc đơn vị chịu trách nhiệm về việc lập *và trình bày* thông tin tài chính tương lai ***dự báo*** này *trên cơ sở [khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan]*, bao gồm cả các giả định làm cơ sở cho *thông tin tài chính* ***dự báo*** được nêu tại Thuyết minh X.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

*Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính tương lai* ***dự báo*** *dựa trên kết quả cuộc kiểm tra.*

Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo, các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan áp dụng cho việc kiểm tra thông tin tài chính tương lai. *Các chuẩn mực và quy định này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm tra để đạt được sự đảm bảo có giới hạn về việc liệu các giả định có cung cấp được một cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai dự báo hay không, liệu thông tin tài chính tương lai dự báo của Công ty có được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với [khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan] hay không.*

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Trên cơ sở kiểm tra các bằng chứng chứng minh cho các giả định, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng các giả định không cung cấp được cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai ***dự báo*** này. Đồng thời, theo kết luận của chúng tôi, thông tin tài chính tương lai ***dự báo*** này đã được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan].*

Kết quả thực tế có thể sẽ khác biệt với ***thông tin tài chính tương lai dự báo*** này do các sự kiện được dự kiến có thể không xảy ra như mong đợi và sự khác biệt đó có thể là trọng yếu”.

1. Ví dụ trích đoạn báo cáo kiểm tra về kiểm tra thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** với kết luận dạng chấp nhận toàn phần:

“…Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** kèm theo của đơn vịvề *dự án mở rộng phân xưởng sản xuất A cả Công ty ABC cho giai đoạn từ 01/06/20x5 đến 31/12/20x8 được lập ngày 31/12/20x4 từ trang… đến trang… gồm các báo cáo A, B, C…*

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc đơn vị chịu trách nhiệm về *lập và trình bày* thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** này trên cơ sở *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan],* bao gồm cả các giả định làm cơ sở cho thông tin tài chính ***dự tính*** được nêu tại Thuyết minh X.

Thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** được lập cho mục đích cụ thể… *[nêu rõ mục đích])*. Do đơn vị đang trong giai đoạn bắt đầu hoạt động, thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** được lập dựa trên các ***giả định mang tính giả thuyết*** về các sự kiện trong tương lai chưa chắc chắn sẽ xảy ra và các hành động mà Ban Giám đốc cũng chưa chắc chắn sẽ thực hiện. Do đó, thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** này sẽ không được sử dụng cho mục đích khác ngoài mục đích nêu trên báo cáo.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

*Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính tương lai* ***dự tính*** *dựa trên kết quả của cuộc kiểm tra.*

Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo,các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan áp dụng cho việc kiểm tra thông tin tài chính tương lai*. Các chuẩn mực và quy định này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm tra để đạt được sự đảm bảo có giới hạn về việc liệu các giả định có cung cấp được một cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai* ***dự tính*** *hay không, liệu thông tin tài chính tương lai* ***dự tính*** *của Công ty có được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với [khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan] hay không*.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Trên cơ sở kiểm tra các bằng chứng chứng minh cho các giả định, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng các giả định không cung cấp được cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** này, giả sử rằng… *[nêu hoặc tham chiếu đến các giả thuyết]*. Đồng thời, theo kết luận của chúng tôi, thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** này đã được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan].*

Kể cả trong trường hợp các sự kiện được dự kiến dựa trên các giả thuyết đã nêu trên xảy ra thì kết quả thực tế vẫn có thể khác biệt với thông tin tài chính tương lai ***dự tính*** này do các sự kiện được dự kiến khác thường không xảy ra như mong đợi và sự khác biệt đó có thể là trọng yếu…”

1. **Khi kiểm toán viên cho rằng việc trình bày và thuyết minh thông tin tài chính tương lai là không đầy đủ, kiểm toán viên phải đưa kết luận ngoại trừ hoặc kết luận trái ngược trong báo cáo kiểm tra về thông tin tài chính tương lai, hoặc rút khỏi hợp đồng nếu cần thiết.** Ví dụ, thông tin tài chính *tương lai* có thể không trình bày đầy đủ các kết quả có thể mang tính nhạy cảm cao đối với các giả định.
2. **Khi kiểm toán viên cho rằng một hoặc một số giả định quan trọng không cung cấp được một cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai dựa trên các giả định về ước tính tốt nhất, hoặc một hoặc một số giả định quan trọng không cung cấp được một cơ sở hợp lý cho các thông tin tài chính tương lai dựa trên các giả định mang tính giả thuyết, kiểm toán viên phải đưa ra kết luận trái ngược về thông tin tài chính tương lai, hoặc rút khỏi hợp đồng.**
3. **Khi việc kiểm tra chịu ảnh hưởng của các điều kiện không cho phép áp dụng một hoặc một số thủ tục được cho là cần thiết trong một số hoàn cảnh cụ thể, thì kiểm toán viên phải rút khỏi hợp đồng hoặc từ chối đưa ra kết luận và mô tả về hạn chế phạm vi kiểm tra trên báo cáo kiểm tra về thông tin tài chính tương lai.**

**Phụ lục 01**

(Hướng dẫn đoạn 28 Chuẩn mực này)

**MẪU BÁO CÁO KIỂM TRA VỀ KIỂM TRA THÔNG TIN TÀI CHÍNH TƯƠNG LAI DỰ BÁO VỚI KẾT LUẬN CHẤP NHẬN TOÀN PHẦN**

**Công ty kiểm toán XYZ**

**Địa chỉ, điện thoại, fax...**

Số: ... /20x5

**BÁO CÁO KIỂM TRA**

***Về kiểm tra thông tin tài chính tương lai dự báo***

***Kính gửi:*** [Người nhận báo cáo kiểm tra]

Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra thông tin tài chính tương lai dự báo kèm theo về *[tên dự án cụ thể, nếu có]* của *Công ty ABC cho giai đoạn từ …. đến …., được lập ngày… tháng… năm, từ trang… đến trang…, bao gồm [tên các báo cáo].*

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc đơn vị chịu trách nhiệm về việc *lập và trình bày* thông tin tài chính tương lai dự báo này trên cơ sở *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan]*, bao gồm các giả định làm cơ sở cho thông tin tài chính dự báo được nêu tại Thuyết minh X.

Thông tin tài chính tương lai dự báo này được lập cho mục đích *[nêu rõ mục đích]*.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính tương lai dự báo dựa trên kết quả của cuộc kiểm tra.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo*,* các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan áp dụng cho việc kiểm tra thông tin tài chính tương lai. Các chuẩn mực và quy định này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm tra để đạt được sự đảm bảo có giới hạn về việc liệu các giả định có cung cấp được một cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai dự báo hay không, liệu thông tin tài chính tương lai dự báo của Công ty có được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan]* hay không.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Trên cơ sở kiểm tra các bằng chứng chứng minh cho các giả định, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng các giả định không cung cấp được cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính dự báo này. Đồng thời, theo kết luận của chúng tôi, thông tin tài chính dự báo này đã được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan].*

Kết quả thực tế có thể sẽ khác biệt với thông tin tài chính tương lai dự báo này do các sự kiện được dự kiến có thể không xảy ra như mong đợi và sự khác biệt đó có thể là trọng yếu.

[(Hà Nội), ngày... tháng... năm...]

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Công ty kiểm toán XYZ** |
|  | Tổng Giám đốc  *(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)*  Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:… |

**Phụ lục 02**

(Hướng dẫn đoạn 29 Chuẩn mực này)

**MẪU BÁO CÁO KIỂM TRA VỀ KIỂM TRA THÔNG TIN TÀI CHÍNH TƯƠNG LAI DỰ TÍNH VỚI KẾT LUẬN CHẤP NHẬN TOÀN PHẦN**

**Công ty kiểm toán XYZ**

**Địa chỉ, điện thoại, fax...**

Số: ... /20x5

**BÁO CÁO KIỂM TRA**

***Về kiểm tra thông tin tài chính tương lai dự tính***

***Kính gửi:*** [Người nhận báo cáo kiểm tra]

Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra thông tin tài chính tương lai dự tính kèm theo về *[tên dự án cụ thể, nếu có]*của *Công ty ABC cho giai đoạn từ …. đến …., được lập ngày… tháng… năm, từ trang… đến trang…, bao gồm [tên các báo cáo].*

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc *lập và trình bày* thông tin tài chính tương lai dự tính này *trên cơ sở* *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan]*, bao gồm các giả định làm cơ sở cho thông tin tài chính dự tính được nêu tại Thuyết minh X.

Thông tin tài chính tương lai dự tính được lập cho mục đích *[nêu rõ mục đích]*. Do đơn vị đang trong giai đoạn bắt đầu hoạt động, thông tin tài chính tương lai dự tính được lập dựa trên các giả định mang tính giả thuyết về các sự kiện trong tương lai chưa chắc chắn sẽ xảy ra và các hành động mà Ban Giám đốc cũng chưa chắc chắn sẽ thực hiện. Do đó, thông tin tài chính tương lai dự tính này sẽ không được sử dụng cho mục đích khác ngoài mục đích nêu trên báo cáo.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính tương lai dự tính dựa trên kết quả của cuộc kiểm tra.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo,các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan áp dụng cho việc kiểm tra thông tin tài chính tương lai. Các chuẩn mực và quy định này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm tra để đạt được sự đảm bảo có giới hạn về việc liệu các giả định có cung cấp được một cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai dự tính hay không, liệu thông tin tài chính tương lai dự tính của Công ty có được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan]* hay không.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Trên cơ sở kiểm tra các bằng chứng chứng minh cho các giả định, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng các giả định không cung cấp được cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai dự tính này, giả sử rằng *[nêu hoặc tham chiếu đến các giả thuyết].* Đồng thời, theo kết luận của chúng tôi, thông tin tài chính tương lai dự tính này đã được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với *[khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan].*

Kể cả trong trường hợp các sự kiện được dự kiến dựa trên các giả thuyết đã nêu trên xảy ra thì kết quả thực tế vẫn có thể khác biệt với thông tin tài chính tương lai dự tính này do các sự kiện được dự kiến khác thường không xảy ra như mong đợi và sự khác biệt đó có thể là trọng yếu.

|  |  |
| --- | --- |
|  | [(Hà Nội), ngày... tháng... năm...]  **Công ty kiểm toán XYZ** |
|  | Tổng Giám đốc  *(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)*  Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:… |

**\* \* \* \* \***